

Số: /QĐ-UBND

Sơn La, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Kế hoạch thực hiện các chỉ tiêu cụ thể được giao tại Kế hoạch hoạt động năm 2026 ban hành kèm theo Quyết định số 11/QĐ-BCĐCP của Ban Chỉ đạo Chính phủ, Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 và Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 và Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung, cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW;

Căn cứ Quyết định số 11/QĐ-BCĐCP ngày 27/02/2026 của Ban Chỉ đạo của Chính phủ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 ban hành Kế hoạch hoạt động năm 2026;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 73/TTr-SKHCN ngày 13/3/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện các chỉ tiêu cụ thể được giao tại Kế hoạch hoạt động năm 2026 ban hành kèm theo Quyết định số 11/QĐ-BCĐCP của Ban Chỉ đạo Chính phủ, Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 và Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Văn phòng UBND tỉnh (LĐ, TTTT, TTPVHCC);
- Lưu: VT, KGVX, Đức Anh.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hà Trung Chiến

KẾ HOẠCH

Thực hiện các chỉ tiêu cụ thể được giao tại Kế hoạch hoạt động năm 2026 ban hành kèm theo Quyết định số 11/QĐ-BCĐCP của Ban Chỉ đạo Chính phủ, Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 và Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ
(Kèm theo Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tổ chức triển khai quyết liệt, đồng bộ các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết số 57-NQ/TW; bảo đảm khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số đóng góp thiết thực vào mục tiêu nâng cao năng suất lao động, hiệu quả quản trị, chất lượng dịch vụ công và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp.

- Gắn trách nhiệm người đứng đầu với tiến độ, kết quả, chất lượng thực hiện nhiệm vụ; đưa kết quả thực hiện vào tiêu chí đánh giá, thi đua, khen thưởng và xem xét trách nhiệm khi chậm trễ.

2. Yêu cầu

- Bám sát đầy đủ các chỉ tiêu được giao chủ trì tại Quyết định số 11/QĐ-BCĐCP ngày 27/02/2026 của Ban Chỉ đạo của Chính phủ, Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 và Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ.

- Mỗi chỉ tiêu phải được cụ thể hóa thành một hoặc nhiều nội dung triển khai cụ thể, dưới các hình thức phù hợp với tính chất của chỉ tiêu và tình hình thực tiễn của cơ quan, đơn vị, địa phương. Xác định rõ phương pháp tính, đo lường kết quả thực hiện, phân công cụ thể phòng ban, đơn vị chủ trì, thời hạn hoàn thành, xác định nguồn lực thực hiện và cơ chế tổ chức triển khai.

- Kế hoạch phải bảo đảm tính khả thi, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và nguồn lực của cơ quan, đơn vị, địa phương.

II. CHUẨN HÓA ĐO LƯỜNG VÀ KIỂM SOÁT SỐ LIỆU

1. Mỗi chỉ tiêu được cụ thể hóa về Công thức tính; Đơn vị tính; Nguồn dữ liệu gốc; Hệ thống trích xuất dữ liệu; Tần suất cập nhật; Cơ quan tổng hợp.

2. Ưu tiên sử dụng dữ liệu trích xuất trực tiếp từ hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, dashboard quản trị; hạn chế tối đa tổng hợp thủ công.

3. Đối với các chỉ tiêu có nguy cơ sai lệch cao (ví dụ: 100% hồ sơ điện tử, xử lý toàn trình, dịch vụ công toàn trình, mức độ hài lòng), phải thực hiện: Đối chiếu tối thiểu 02 nguồn dữ liệu; Kiểm tra chéo giữa số lượng phát sinh và số lượng xử lý; Kiểm tra thực địa hoặc kiểm tra đột xuất khi cần thiết.

4. Không công nhận kết quả đạt nếu: Hồ sơ được xử lý ngoài hệ thống rồi nhập lại; Văn bản ký số nhưng vẫn lưu hành song song bản giấy; Chữ ký số được cấp nhưng không phát sinh sử dụng; Chỉ số hài lòng không đủ cỡ mẫu hoặc không đo đúng quy trình.

III. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

1. Các chỉ tiêu cụ thể tỉnh được giao chủ trì thực hiện

- Có $\geq 70\%$ văn bản, hồ sơ công việc tại cơ quan hành chính nhà nước cấp tỉnh, cấp xã được xử lý toàn trình trên môi trường điện tử.

- Có $\geq 80\%$ thủ tục hành chính cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số TTHC đủ điều kiện thuộc phạm vi, chức năng quản lý của cơ quan (bao gồm các thủ tục hành chính thực hiện tại cấp tỉnh, xã).

- Có $\geq 80\%$ thủ tục hành chính cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính được giao quy định hoặc quy định chi tiết trong văn bản quy phạm pháp luật của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh.

- Có $\geq 80\%$ thông tin, giấy tờ, tài liệu trong các thủ tục hành chính liên quan sản xuất, kinh doanh chỉ phải cung cấp một lần cho cơ quan nhà nước.

- 100% cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số.

- Có $\geq 50\%$ cán bộ, công chức, viên chức đảm nhiệm vị trí việc làm chuyên trách về quản lý công nghệ thông tin hoặc công nghệ thông tin, chuyển đổi số của tỉnh được đào tạo, bồi dưỡng về quản trị dữ liệu.

- 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện liên quan đến doanh nghiệp được cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

- Có $\geq 95\%$ người dân, doanh nghiệp đánh giá ở mức độ hài lòng trở lên khi thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến.

- Có từ 05 sản phẩm thuộc Danh mục công nghệ chiến lược được thương mại hóa thành công.

(Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo)

2. Danh mục nhiệm vụ, giải pháp thực hiện các chỉ tiêu

(Chi tiết tại các Phụ lục II đến X kèm theo)

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Khoa học và Công nghệ

Chủ trì, phối hợp Văn phòng UBND tỉnh, Công an tỉnh, các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân xã, phường và các đơn vị có liên quan căn cứ các chỉ tiêu cụ thể được giao để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo triển khai thực hiện, bảo đảm đạt chỉ tiêu theo kế hoạch đề ra.

2. Văn phòng UBND tỉnh

Chủ trì hướng dẫn, đôn đốc, tổng hợp đánh giá số liệu báo cáo của các cơ quan, đơn vị về các chỉ tiêu thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến. Kịp thời tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong thực hiện các chỉ tiêu về giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến.

3. Công an tỉnh

Chủ trì, phối hợp với Bộ Công an triển khai các khóa đào tạo, tập huấn về quản trị dữ liệu cho cán bộ, công chức, viên chức chuyên trách về quản lý công nghệ thông tin, công nghệ thông tin, chuyển đổi số của tỉnh; xây dựng, cập nhật các tài liệu hướng dẫn, học liệu điện tử và chương trình đào tạo trực tuyến về quản trị dữ liệu.

4. Sở Tài chính

Tham mưu bố trí nguồn ngân sách nhà nước cho các cơ quan, đơn vị để thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ cần triển khai thực hiện bằng nguồn ngân sách. Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị sử dụng nguồn kinh phí được giao theo quy định.

5. Sở Nội vụ

Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường tham mưu, hoàn thiện Đề án vị trí việc làm chuyên trách về CNTT, chuyển đổi số cho các đơn vị sau khi có đề xuất của các cơ quan, đơn vị liên quan và theo chỉ đạo, hướng dẫn của các bộ, ngành có thẩm quyền; đăng ký chỉ tiêu, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức quản lý, chuyên trách về CNTT, chuyển đổi số trình UBND tỉnh phê duyệt hàng năm.

6. Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường

- Các đồng chí Giám đốc, Chủ tịch UBND các xã, phường, Trưởng Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 của các cơ quan, đơn vị, địa phương trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo và chịu trách nhiệm toàn diện trước UBND tỉnh về tiến độ, kết quả thực hiện Kế hoạch này. Đồng thời, chỉ đạo việc đề xuất, huy động, bố trí nguồn lực theo quy định để bảo đảm thực hiện hiệu quả; thường xuyên đôn đốc, kịp thời xử lý các chỉ tiêu, nhiệm vụ chậm tiến độ, kém hiệu quả hoặc phát sinh vướng mắc.

- Triển khai đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng CNTT đáp ứng yêu cầu công việc; chủ động triển khai các giải pháp tạo lập, số hóa, chuyển đổi, tích hợp các cơ sở dữ liệu của cơ quan, đơn vị vào hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh; tích hợp, chia sẻ thông tin giữa các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu theo ngành dọc từ Trung ương tới các cấp trong tỉnh Sơn La.

- Tổ chức thực hiện nhiệm vụ theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, bảo đảm thống nhất, không chồng chéo. Trường hợp phát sinh nội dung vượt thẩm quyền hoặc giao thoa chức năng, cơ quan chủ trì phải báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định trước khi thực hiện.

V. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ CƠ CHẾ KIỂM TRA, GIÁM SÁT

1. Chế độ báo cáo

- **Trước 17h00 ngày 12 hằng tháng**, các cơ quan, đơn vị cập nhật đầy đủ, kịp thời tình hình thực hiện chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao lên Hệ thống thông tin báo cáo do Sở Khoa học và Công nghệ triển khai để báo cáo mức độ đạt được của các chỉ tiêu theo kế hoạch; kịp thời nắm bắt những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai để phục vụ công tác theo dõi, chỉ đạo, điều hành (báo cáo phải kèm theo số liệu được trích xuất trực tiếp từ các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu liên quan để làm căn cứ đối chiếu, kiểm chứng thông tin).

- Đối với các chỉ tiêu, nhiệm vụ chưa đạt hoặc chậm tiến độ so với kế hoạch, cần báo cáo nêu rõ nguyên nhân chủ quan, khách quan; đồng thời đề xuất cụ thể các giải pháp, biện pháp khắc phục và giải pháp thực hiện trong thời gian tiếp theo để bảo đảm hoàn thành mục tiêu đề ra.

2. Cơ chế kiểm tra, giám sát

- Ban Chỉ đạo của UBND tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 thực hiện kiểm tra đột xuất đối với các cơ quan, đơn vị liên quan nhằm kịp thời phát hiện, chấn chỉnh những tồn tại, hạn chế trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Nội dung kiểm tra tập trung vào kết quả thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu đặt ra và trách nhiệm của cá nhân, tập thể trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.

- Yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan cung cấp đầy đủ, kịp thời dữ liệu từ các hệ thống thông tin quản lý, sử dụng để phục vụ việc kiểm tra, rà soát và đối chiếu. Việc cung cấp dữ liệu phải bảo đảm tính chính xác, đầy đủ và đúng thời hạn theo yêu cầu của cơ quan tổng hợp.

- Trường hợp phát hiện việc báo cáo không trung thực, cung cấp thông tin sai lệch hoặc không đầy đủ so với dữ liệu thực tế, sẽ tiến hành xem xét, làm rõ trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân liên quan và đề xuất cấp có thẩm quyền áp dụng các hình thức xử lý theo quy định của pháp luật.

Yêu cầu các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan, UBND các xã, phường theo chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị và các nhiệm vụ tại Kế hoạch này triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả./

Phụ lục I
DANH MỤC CÁC CHỈ TIÊU CỤ THỂ

STT	Chỉ tiêu	Kết quả thực hiện năm 2025	Mục tiêu 2026	Phương pháp tính	Nguồn dữ liệu gốc/Hệ thống trích xuất dữ liệu	Cơ quan theo dõi, tổng hợp, đánh giá	Ghi chú
1	Tỷ lệ văn bản, hồ sơ công việc tại cơ quan hành chính nhà nước cấp tỉnh, cấp xã được xử lý toàn trình trên môi trường điện tử	-	$\geq 70\%$	a= Số văn bản, hồ sơ công việc được xử lý, phê duyệt, trao đổi hoàn toàn trên môi trường điện tử (bao gồm cả việc ký số, lưu trữ và gửi nhận văn bản điện tử qua Hệ thống quản lý văn bản và điều hành); b= Tổng số văn bản, hồ sơ công việc của cơ quan hành chính nhà nước; Tỷ lệ= a/b	Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành của cơ quan, đơn vị	Sở Khoa học và Công nghệ	Chi tiết nhiệm vụ, giải pháp tại Phụ lục II
2	Tỷ lệ thủ tục hành chính cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số TTHC đủ điều kiện thuộc phạm vi, chức năng quản lý của cơ quan (bao gồm các thủ tục hành chính thực hiện tại cấp tỉnh, xã)	90,46%	$\geq 80\%$	a= Số TTHC của cơ quan, đơn vị đã cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình; b= Tổng số TTHC đủ điều kiện thuộc phạm vi, chức năng quản lý của cơ quan; Tỷ lệ= a/b	Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của bộ, ngành, Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	Chi tiết nhiệm vụ, giải pháp tại Phụ lục III

STT	Chỉ tiêu	Kết quả thực hiện năm 2025	Mục tiêu 2026	Phương pháp tính	Nguồn dữ liệu gốc/Hệ thống trích xuất dữ liệu	Cơ quan theo dõi, tổng hợp, đánh giá	Ghi chú
3	Tỷ lệ thủ tục hành chính cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính được giao quy định hoặc quy định chi tiết trong văn bản quy phạm pháp luật của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh	-	$\geq 80\%$	a= Số TTHC của cơ quan, đơn vị đã cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình; b= Tổng số TTHC được giao quy định hoặc quy định chi tiết trong văn bản quy phạm pháp luật của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh; Tỷ lệ= a/b	Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của bộ, ngành, Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	Chi tiết nhiệm vụ, giải pháp tại Phụ lục IV
4	Tỷ lệ thông tin, giấy tờ, tài liệu trong các thủ tục hành chính liên quan sản xuất, kinh doanh chỉ phải cung cấp một lần cho cơ quan nhà nước	-	$\geq 80\%$	a= Số thông tin, giấy tờ, tài liệu trong các TTHC liên quan sản xuất, kinh doanh chỉ phải cung cấp một lần cho cơ quan nhà nước; b= Tổng số thông tin, giấy tờ, tài liệu trong các TTHC liên quan sản xuất, kinh doanh của cơ quan, đơn vị; Tỷ lệ= a/b	Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của bộ, ngành, Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	Chi tiết nhiệm vụ, giải pháp tại Phụ lục V
5	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số	98,7%	100%	a= Số cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số; b= Tổng số cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan,	Báo cáo của các cơ quan, đơn vị	Sở Khoa học và Công nghệ	Chi tiết nhiệm vụ, giải pháp tại

STT	Chỉ tiêu	Kết quả thực hiện năm 2025	Mục tiêu 2026	Phương pháp tính	Nguồn dữ liệu gốc/Hệ thống trích xuất dữ liệu	Cơ quan theo dõi, tổng hợp, đánh giá	Ghi chú
				đơn vị; Tỷ lệ= a/b			Phụ lục VI
6	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức đảm nhiệm vị trí việc làm chuyên trách về quản lý công nghệ thông tin hoặc công nghệ thông tin, chuyển đổi số của tỉnh được đào tạo, bồi dưỡng về quản trị dữ liệu	-	≥50%	a= Số cán bộ, công chức, viên chức đảm nhiệm vị trí việc làm chuyên trách về quản lý công nghệ thông tin hoặc công nghệ thông tin, chuyển đổi số của cơ quan, đơn vị được đào tạo, bồi dưỡng về quản trị dữ liệu; b= Tổng số cán bộ, công chức, viên chức đảm nhiệm vị trí việc làm chuyên trách về quản lý công nghệ thông tin hoặc công nghệ thông tin, chuyển đổi số của cơ quan, đơn vị; Tỷ lệ= a/b	Báo cáo của các cơ quan, đơn vị	Công an tỉnh	Chi tiết nhiệm vụ, giải pháp tại Phụ lục VII
7	Tỷ lệ thủ tục hành chính đủ điều kiện liên quan đến doanh nghiệp được cung cấp dịch vụ công trực tuyến	-	100%	a= Số TTHC đủ điều kiện liên quan đến doanh nghiệp được cung cấp dịch vụ công trực tuyến; b= Số TTHC đủ điều kiện	Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của bộ, ngành, Hệ thống thông tin	Văn phòng UBND tỉnh	Chi tiết nhiệm vụ, giải pháp tại Phụ lục VIII

STT	Chỉ tiêu	Kết quả thực hiện năm 2025	Mục tiêu 2026	Phương pháp tính	Nguồn dữ liệu gốc/Hệ thống trích xuất dữ liệu	Cơ quan theo dõi, tổng hợp, đánh giá	Ghi chú
				liên quan đến doanh nghiệp; Tỷ lệ= a/b	giải quyết TTHC của tỉnh		
8	Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp đánh giá ở mức độ hài lòng trở lên khi thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến	98,73%	≥95%	a= Số người dân, doanh nghiệp đánh giá ở mức độ hài lòng trở lên khi thực hiện TTHC, DVCTT; b= Tổng số người dân, doanh nghiệp tham gia đánh giá mức độ thực hiện TTHC, DVCTT; Tỷ lệ= a/b	Cổng Dịch vụ công quốc gia	Văn phòng UBND tỉnh	Chi tiết nhiệm vụ, giải pháp tại Phụ lục IX
9	Thương mại hóa thành công sản phẩm thuộc Danh mục công nghệ chiến lược	-	05 sản phẩm	Sản phẩm thuộc Danh mục công nghệ chiến lược	Báo cáo của các cơ quan, đơn vị	Sở Khoa học và Công nghệ	Chi tiết nhiệm vụ, giải pháp tại Phụ lục X

Phụ lục II

NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHỈ TIÊU “TỶ LỆ VĂN BẢN, HỒ SƠ CÔNG VIỆC TẠI CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC CẤP TỈNH, CẤP XÃ ĐƯỢC XỬ LÝ TOÀN TRÌNH TRÊN MÔI TRƯỜNG ĐIỆN TỬ ĐẠT TRÊN 70%”

STT	Nhiệm vụ/ Giải pháp	Mô tả công việc	Đơn vị chủ trì thực hiện nhiệm vụ/ giải pháp	Đơn vị phối hợp	Thời hạn (quý/tháng)	Kết quả/ Sản phẩm
1	Hoàn thiện hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ xử lý công việc trên môi trường điện tử	Tiếp tục đầu tư, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin, bảo đảm hệ thống mạng, đường truyền và các thiết bị đầu cuối đáp ứng yêu cầu vận hành các hệ thống thông tin phục vụ quản lý, điều hành và xử lý công việc trên môi trường điện tử tại các cơ quan hành chính nhà nước cấp tỉnh và cấp xã	Các sở, ban, ngành, UBND xã, phường	Đơn vị có liên quan	Tháng 6/2026	Báo cáo kết quả rà soát, đầu tư, nâng cấp hạ tầng CNTT đáp ứng yêu cầu vận hành các hệ thống thông tin phục vụ quản lý, điều hành và xử lý công việc trên môi trường điện tử
2	Nâng cấp hệ thống quản lý văn bản và điều hành	Triển khai đồng bộ, nâng cấp và khai thác hiệu quả hệ thống quản lý văn bản và điều hành dùng chung, bảo đảm hỗ trợ đầy đủ quy trình tiếp nhận, xử lý, luân chuyển, ký số, phát hành và lưu trữ văn bản điện tử. Đồng thời bảo đảm kết nối, liên thông giữa các cấp chính quyền theo quy định	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nội vụ	Tháng 6/2026	Hệ thống quản lý văn bản và điều hành đáp ứng yêu cầu về tiếp nhận, xử lý, luân chuyển, ký số, phát hành và lưu trữ văn bản điện tử

STT	Nhiệm vụ/ Giải pháp	Mô tả công việc	Đơn vị chủ trì thực hiện nhiệm vụ/ giải pháp	Đơn vị phối hợp	Thời hạn (quý/tháng)	Kết quả/ Sản phẩm
3	Sử dụng chữ ký số trong xử lý văn bản điện tử	Đăng ký và sử dụng chữ ký số cho cán bộ, công chức, viên chức; thực hiện ký số đối với văn bản điện tử trong toàn bộ quy trình xử lý, phê duyệt và ban hành văn bản, bảo đảm thay thế các văn bản giấy trong các hoạt động quản lý, điều hành	Các sở, ban, ngành, UBND xã, phường	Đơn vị có liên quan	Thường xuyên	Tỷ lệ văn bản điện tử được ký số trong quá trình xử lý, phê duyệt và ban hành đạt 100%
4	Chuẩn hóa quy trình xử lý văn bản, hồ sơ công việc trên môi trường điện tử	Rà soát, chuẩn hóa và số hóa các quy trình xử lý văn bản, hồ sơ công việc trong nội bộ cơ quan, đơn vị	Các sở, ban, ngành, UBND xã, phường	Đơn vị có liên quan	Tháng 6/2026	Quy trình xử lý văn bản, hồ sơ công việc trên Hệ thống thông tin được quy định trong Quy chế hoạt động của cơ quan, đơn vị
5	Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng sử dụng hệ thống thông tin	Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức về kỹ năng sử dụng hệ thống Quản lý văn bản, chữ ký số và các nền tảng số phục vụ xử lý công việc, bảo đảm việc khai thác, sử dụng các hệ thống được thực hiện hiệu quả, đúng quy định	Các sở, ban, ngành, UBND xã, phường	Đơn vị cung cấp dịch vụ Hệ thống quản lý văn bản và điều hành	Khi hệ thống có thay đổi, nâng cấp	100% cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị khai thác, sử dụng có hiệu quả hệ thống Quản lý văn bản, chữ ký số và các nền tảng số phục vụ xử lý công việc

Phụ lục III

NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHỈ TIÊU “TỶ LỆ TTHC CUNG CẤP DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN TOÀN TRÌNH TRÊN TỔNG SỐ TTHC ĐỦ ĐIỀU KIỆN THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA CƠ QUAN ĐẠT TRÊN 80%”

STT	Nhiệm vụ/ Giải pháp	Mô tả công việc	Đơn vị chủ trì thực hiện nhiệm vụ/ giải pháp	Đơn vị phối hợp	Thời hạn (quý/tháng)	Kết quả/ Sản phẩm
1	Rà soát, đánh giá thủ tục hành chính đủ điều kiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình	Tổ chức rà soát toàn bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh; xác định các thủ tục đủ điều kiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình theo quy định để đưa ra lộ trình triển khai phù hợp	Các sở, ban, ngành	Văn phòng UBND tỉnh	- Đợt 1: Tháng 3/2026; - Các đợt tiếp theo: Khi có quy định mới của Trung ương	Danh mục TTHC đủ điều kiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình thuộc phạm vi, chức năng quản lý
2	Chuẩn hóa, đơn giản hóa quy trình thủ tục hành chính	Chuẩn hóa quy trình giải quyết thủ tục hành chính theo hướng điện tử hóa toàn bộ các bước xử lý; giảm bớt các khâu trung gian, đơn giản hóa thành phần hồ sơ và thời gian giải quyết nhằm phù hợp với việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình	Các sở, ban, ngành	Văn phòng UBND tỉnh	- Đợt 1: Tháng 3/2026; - Các đợt tiếp theo: Khi có quy định mới của Trung ương	Danh mục TTHC đủ điều kiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình đã được chuẩn hóa, đơn giản hóa quy trình

STT	Nhiệm vụ/ Giải pháp	Mô tả công việc	Đơn vị chủ trì thực hiện nhiệm vụ/ giải pháp	Đơn vị phối hợp	Thời hạn (quý/tháng)	Kết quả/ Sản phẩm
3	Tích hợp, chia sẻ dữ liệu với các cơ sở dữ liệu và hệ thống thông tin liên quan	Thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính với các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và các hệ thống thông tin khác nhằm hỗ trợ xác thực thông tin, giảm thành phần hồ sơ và nâng cao mức độ tự động hóa trong xử lý thủ tục hành chính	Các sở, ban, ngành	Sở Khoa học và Công nghệ; Văn phòng UBND tỉnh	- Đợt 1: Tháng 6/2026; - Các đợt tiếp theo: Khi có quy định mới của Trung ương	Tỷ lệ HTTT, CSDL chuyên ngành có liên quan được kết nối với Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính đạt trên 80%
4	Số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính	Số hóa hồ sơ và kết quả giải quyết thủ tục hành chính; cập nhật và khai thác hiệu quả kho dữ liệu điện tử để phục vụ việc giải quyết TTHC trên môi trường số, hạn chế yêu cầu người dân, doanh nghiệp nộp lại các giấy tờ đã có trong hệ thống	Các sở, ban, ngành, UBND xã, phường	Văn phòng UBND tỉnh	Thường xuyên	Tỷ lệ số hoá hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính đạt trên 95%

STT	Nhiệm vụ/ Giải pháp	Mô tả công việc	Đơn vị chủ trì thực hiện nhiệm vụ/ giải pháp	Đơn vị phối hợp	Thời hạn (quý/tháng)	Kết quả/ Sản phẩm
5	Triển khai thanh toán trực tuyến và trả kết quả trực tuyến	Tích hợp, cung cấp các hình thức thanh toán trực tuyến đối với các thủ tục hành chính có phát sinh nghĩa vụ tài chính; đồng thời triển khai các hình thức trả kết quả trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích để hoàn thiện quy trình dịch vụ công trực tuyến toàn trình	Các sở, ban, ngành, UBND xã, phường	Sở Khoa học và Công nghệ; Văn phòng UBND tỉnh	Thường xuyên	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến đạt trên 80%
6	Tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến	Tổ chức Chiến dịch thông tin, tuyên truyền, hướng dẫn người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến; hỗ trợ trực tiếp tại Bộ phận Một cửa các cấp nhằm nâng cao tỷ lệ hồ sơ nộp trực tuyến	Các sở, ban, ngành, UBND xã, phường	Các Tổ Công nghệ số cộng đồng	Thường xuyên	Chiến dịch, sản phẩm tuyên truyền

STT	Nhiệm vụ/ Giải pháp	Mô tả công việc	Đơn vị chủ trì thực hiện nhiệm vụ/ giải pháp	Đơn vị phối hợp	Thời hạn (quý/tháng)	Kết quả/ Sản phẩm
7	Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức tập huấn cho cán bộ, công chức, viên chức về quy trình xử lý hồ sơ trực tuyến, kỹ năng sử dụng hệ thống thông tin giải quyết TTHC và các nền tảng số liên quan nhằm bảo đảm việc giải quyết thủ tục hành chính được thực hiện hiệu quả trên môi trường điện tử	Các sở, ban, ngành, UBND xã, phường	Đơn vị cung cấp, vận hành Hệ thống thông tin giải quyết TTHC	Khi hệ thống có thay đổi, nâng cấp	100% cán bộ, công chức, viên chức có liên quan của cơ quan, đơn vị khai thác, sử dụng có hiệu quả hệ thống thông tin giải quyết TTHC và các nền tảng số liên quan

Phụ lục IV

NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHỈ TIÊU “TỶ LỆ TTHC CUNG CẤP DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN TOÀN TRÌNH TRÊN TỔNG SỐ TTHC ĐƯỢC GIAO QUY ĐỊNH HOẶC QUY ĐỊNH CHI TIẾT TRONG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CỦA CÁC CẤP CHÍNH QUYỀN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẠT TRÊN 80%”

STT	Nhiệm vụ/ Giải pháp	Mô tả công việc	Đơn vị chủ trì thực hiện nhiệm vụ/ giải pháp	Đơn vị phối hợp	Thời hạn (quý/tháng)	Kết quả/ Sản phẩm
1	Rà soát thủ tục hành chính trong các văn bản quy phạm pháp luật	Tổ chức rà soát toàn bộ thủ tục hành chính được quy định hoặc quy định chi tiết trong các văn bản quy phạm pháp luật do HĐND, UBND các cấp ban hành hoặc được giao quy định; xác định các thủ tục hành chính đủ điều kiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình để đưa ra lộ trình triển khai phù hợp	Các sở, ban, ngành	Văn phòng UBND tỉnh	- Đợt 1: Tháng 3/2026; - Các đợt tiếp theo: Khi có quy định mới của Trung ương	Danh mục các thủ tục hành chính đủ điều kiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình được quy định hoặc quy định chi tiết trong các văn bản quy phạm pháp luật của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh
2	Kiến nghị sửa đổi, bổ sung quy định để bảo đảm điều kiện thực hiện trực tuyến toàn trình	Rà soát các quy định pháp lý có liên quan đến thành phần hồ sơ, quy trình xử lý, phương thức nộp và trả kết quả; đề xuất sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các quy định nhằm tạo điều kiện cho việc tiếp nhận, xử lý và trả kết quả thủ tục hành chính hoàn toàn trên môi trường điện tử	Các sở, ban, ngành	Văn phòng UBND tỉnh	Quý II/2026	Đề xuất, kiến nghị trong các Báo cáo về cải cách TTHC của cơ quan, đơn vị

Phụ lục V
NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHỈ TIÊU “TỶ LỆ THÔNG TIN, GIẤY TỜ, TÀI LIỆU TRONG CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LIÊN QUAN SẢN XUẤT, KINH DOANH CHỈ PHẢI CUNG CẤP MỘT LẦN CHO CƠ QUAN NHÀ NƯỚC ĐẠT TRÊN 80%”

STT	Nhiệm vụ/ Giải pháp	Mô tả công việc	Đơn vị chủ trì thực hiện nhiệm vụ/ giải pháp	Đơn vị phối hợp	Thời hạn (quý/tháng)	Kết quả/ Sản phẩm
1	Rà soát, chuẩn hóa thông tin, giấy tờ, tài liệu trong TTHC liên quan đến sản xuất, kinh doanh	Tổ chức rà soát các TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh nhằm xác định các loại thông tin, giấy tờ, tài liệu đang được yêu cầu cung cấp nhiều lần; thực hiện chuẩn hóa danh mục dữ liệu, biểu mẫu thông tin phục vụ việc chia sẻ và tái sử dụng dữ liệu trong quá trình giải quyết TTHC	Các sở, ban, ngành, UBND xã, phường	Văn phòng UBND tỉnh	- Đợt 1: Tháng 3/2026; - Các đợt tiếp theo: Khi có quy định mới của Trung ương	(1) Danh mục các TTHC có liên quan đến sản xuất, kinh doanh; (2) Danh mục các thông tin, giấy tờ, tài liệu đang được yêu cầu cung cấp nhiều lần; (3) Danh mục các thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được triển khai bằng hình thức khai thác dữ liệu đã có

2	Số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC liên quan đến sản xuất, kinh doanh	Đẩy mạnh số hóa hồ sơ, giấy tờ và kết quả giải quyết TTHC liên quan đến sản xuất, kinh doanh; lưu trữ trong kho dữ liệu điện tử để phục vụ việc khai thác, sử dụng lại trong các lần thực hiện TTHC tiếp theo	Các sở, ban, ngành, UBND xã, phường	Văn phòng UBND tỉnh	Thường xuyên	Tỷ lệ số hoá hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC liên quan đến doanh nghiệp đạt 100%
3	Khai thác có hiệu quả kho dữ liệu điện tử phục vụ giải quyết TTHC	Quản lý và khai thác hiệu quả kho dữ liệu điện tử của tỉnh, bảo đảm lưu trữ các thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được số hóa để các cơ quan nhà nước có thể sử dụng lại khi giải quyết các TTHC có liên quan	Các sở, ban, ngành, UBND xã, phường	Văn phòng UBND tỉnh	Thường xuyên	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại dữ liệu trong Kho dữ liệu điện tử phục vụ giải quyết TTHC của cơ quan, đơn vị đạt trên 80%
4	Hoàn thiện các quy định, quy chế về quản lý, chia sẻ và sử dụng dữ liệu	Ban hành hoặc cập nhật các quy chế, quy định về quản lý, chia sẻ và khai thác dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh, bảo đảm việc sử dụng dữ liệu được thực hiện đúng quy định, an toàn và hiệu quả	Sở Khoa học và Công nghệ	Công an tỉnh; Văn phòng UBND tỉnh	Quý II/2026	Quy định, quy chế của UBND tỉnh về quản lý, chia sẻ và sử dụng dữ liệu
5	Đào tạo, hướng dẫn cán bộ, công chức trong khai thác và sử dụng dữ liệu	Tổ chức tập huấn cho cán bộ, công chức, viên chức có liên quan về quy trình khai thác, sử dụng dữ liệu điện tử trong giải quyết TTHC; nâng cao nhận thức và kỹ năng trong việc tái sử dụng dữ liệu để giảm yêu cầu cung cấp lại thông tin	Các sở, ban, ngành, UBND xã, phường	Đơn vị cung cấp, vận hành Hệ thống thông tin giải quyết TTHC	Thường xuyên	100% cán bộ, công chức, viên chức có liên quan của cơ quan, đơn vị có kỹ năng khai thác, sử dụng dữ liệu điện tử trong giải quyết TTHC

Phụ lục VI

NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHỈ TIÊU “TỶ LỆ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC ĐƯỢC ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG KỸ NĂNG SỐ ĐẠT 100%”

STT	Nhiệm vụ/ Giải pháp	Mô tả công việc	Đơn vị chủ trì thực hiện nhiệm vụ/ giải pháp	Đơn vị phối hợp	Thời hạn (quý/tháng)	Kết quả/ Sản phẩm
1	Xây dựng chương trình, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số	Xây dựng và ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức theo lộ trình cụ thể; nội dung đào tạo tập trung vào kỹ năng sử dụng các hệ thống thông tin dùng chung, xử lý công việc trên môi trường điện tử, khai thác dữ liệu số và bảo đảm an toàn thông tin...	Các sở, ban, ngành, UBND xã, phường	Sở Khoa học và Công nghệ	Theo thời hạn giao tại Kế hoạch của tỉnh	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số của cơ quan, đơn vị
2	Tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số	Triển khai các khóa đào tạo, tập huấn trực tiếp và trực tuyến nhằm trang bị kiến thức và kỹ năng sử dụng các nền tảng số, hệ thống thông tin phục vụ công việc, dịch vụ công trực tuyến, chữ ký số và các công cụ làm việc trên môi trường số	Các sở, ban, ngành, UBND xã, phường	Sở Khoa học và Công nghệ	Theo Kế hoạch của tỉnh và của cơ quan, đơn vị	Các lớp đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số được tổ chức

STT	Nhiệm vụ/ Giải pháp	Mô tả công việc	Đơn vị chủ trì thực hiện nhiệm vụ/ giải pháp	Đơn vị phối hợp	Thời hạn (quý/tháng)	Kết quả/ Sản phẩm
3	Phát triển tài liệu và học liệu phục vụ đào tạo kỹ năng số	Xây dựng, cập nhật bộ tài liệu, video hướng dẫn và học liệu điện tử phục vụ đào tạo kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức; cung cấp trên các nền tảng học tập trực tuyến để thuận tiện cho việc tự học và nâng cao năng lực số	Sở Khoa học và Công nghệ	Đơn vị có liên quan	Quý II/2026	Tài liệu, học liệu được phổ biến
4	Bố trí kinh phí và nguồn lực cho công tác đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số	Bảo đảm kinh phí, nguồn lực cần thiết để tổ chức các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số; khuyến khích hợp tác với các cơ sở đào tạo, tổ chức, doanh nghiệp trong việc nâng cao năng lực số cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức	Các sở, ban, ngành, UBND xã, phường	Sở Tài chính và các đơn vị có liên quan	Theo Quyết định giao dự toán	Báo cáo kết quả triển khai
5	Gắn kết quả đào tạo kỹ năng số với đánh giá cán bộ, công chức, viên chức	Đưa việc tham gia và hoàn thành các chương trình đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số vào tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ hằng năm và CSDL của cán bộ, công chức, viên chức và cơ quan, đơn vị	Các sở, ban, ngành, UBND xã, phường	Sở Nội vụ; Sở Khoa học và Công nghệ	Quý IV/2026	Quyết định ban hành tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cán bộ, công chức của cơ quan đơn vị (trong đó có tiêu chí về việc tham gia và hoàn thành các chương trình đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số)

Phụ lục VII

NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHỈ TIÊU “TỶ LỆ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC ĐẢM NHIỆM VỊ TRÍ VIỆC LÀM CHUYÊN TRÁCH VỀ QUẢN LÝ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN HOẶC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN, CHUYỂN ĐỔI SỐ CỦA TỈNH ĐƯỢC ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG VỀ QUẢN TRỊ DỮ LIỆU ĐẠT TRÊN 50%”

STT	Nhiệm vụ/ Giải pháp	Mô tả công việc	Đơn vị chủ trì thực hiện nhiệm vụ/ giải pháp	Đơn vị phối hợp	Thời hạn (quý/tháng)	Kết quả/ Sản phẩm
1	Tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn về quản trị dữ liệu	Triển khai các khóa đào tạo, tập huấn về quản trị dữ liệu, bao gồm các nội dung như quản lý dữ liệu, chuẩn hóa dữ liệu, tích hợp và chia sẻ dữ liệu, phân tích và khai thác dữ liệu, quản lý chất lượng dữ liệu và bảo đảm an toàn, bảo mật dữ liệu	Công an tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Quý IV/2026	Lớp đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn về quản trị dữ liệu được tổ chức
2	Phát triển tài liệu và học liệu phục vụ đào tạo về quản trị dữ liệu	Xây dựng, cập nhật các tài liệu hướng dẫn, học liệu điện tử và chương trình đào tạo trực tuyến về quản trị dữ liệu để cán bộ, công chức, viên chức có thể chủ động học tập và nâng cao năng lực chuyên môn	Công an tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Quý III/2026	Tài liệu, học liệu được phổ biến
3	Bố trí kinh phí và nguồn lực cho công tác đào tạo, bồi dưỡng về quản trị dữ liệu	Bảo đảm kinh phí, nguồn lực cần thiết để tổ chức các chương trình đào tạo, bồi dưỡng về quản trị dữ liệu; khuyến khích sử dụng các nền tảng đào tạo trực tuyến để mở rộng cơ hội học tập cho cán bộ, công chức, viên chức	Sở Tài chính	Công an tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ	Theo Quyết định giao dự toán	Báo cáo kết quả triển khai

Phụ lục VIII
NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHỈ TIÊU “TỶ LỆ TTHC ĐỦ ĐIỀU KIỆN LIÊN QUAN ĐẾN DOANH NGHIỆP ĐƯỢC CUNG CẤP DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN ĐẠT 100%”

STT	Nhiệm vụ/ Giải pháp	Mô tả công việc	Đơn vị chủ trì thực hiện nhiệm vụ/ giải pháp	Đơn vị phối hợp	Thời hạn (quý/tháng)	Kết quả/ Sản phẩm
1	Rà soát, xác định TTHC đủ điều kiện liên quan đến doanh nghiệp để cung cấp dịch vụ công trực tuyến	Tổ chức rà soát toàn bộ thủ tục hành chính liên quan đến doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, đơn vị; xác định các thủ tục đủ điều kiện để cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo quy định để triển khai theo lộ trình phù hợp	Các sở, ban, ngành	Văn phòng UBND tỉnh	- Đợt 1: Tháng 3/2026; - Các đợt tiếp theo: Khi có quy định mới của Trung ương	(1) Danh mục các TTHC có liên quan đến doanh nghiệp; (2) Danh mục các TTHC đủ điều kiện liên quan đến doanh nghiệp được cung cấp DVCTT
2	Chuẩn hóa, đơn giản hóa quy trình TTHC liên quan đến doanh nghiệp	Rà soát, chuẩn hóa quy trình giải quyết TTHC liên quan đến doanh nghiệp theo hướng đơn giản, rõ ràng, giảm bớt các bước trung gian và thành phần hồ sơ không cần thiết; bảo đảm phù hợp với việc tiếp nhận và xử lý hồ sơ trên môi trường điện tử	Các sở, ban, ngành	Văn phòng UBND tỉnh	- Đợt 1: Tháng 3/2026; - Các đợt tiếp theo: Khi có quy định mới của Trung ương	Danh mục các TTHC liên quan đến doanh nghiệp đã được chuẩn hóa, đơn giản hóa quy trình

STT	Nhiệm vụ/ Giải pháp	Mô tả công việc	Đơn vị chủ trì thực hiện nhiệm vụ/ giải pháp	Đơn vị phối hợp	Thời hạn (quý/tháng)	Kết quả/ Sản phẩm
3	Số hóa hồ sơ và kết quả giải quyết TTHC liên quan đến doanh nghiệp	Số hóa hồ sơ, giấy tờ và kết quả giải quyết thủ tục hành chính liên quan đến doanh nghiệp; hình thành kho dữ liệu điện tử phục vụ việc tra cứu, tái sử dụng thông tin trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính	Các sở, ban, ngành, UBND xã, phường	Văn phòng UBND tỉnh	- Đợt 1: Tháng 3/2026; - Các đợt tiếp theo: Khi có quy định mới của Trung ương	Danh mục các TTHC đã được chuẩn hóa, đơn giản hóa quy trình
4	Tuyên truyền, hỗ trợ doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến	Tuyên truyền, hướng dẫn doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến; bố trí lực lượng hỗ trợ tại Bộ phận Một cửa các cấp nhằm nâng cao tỷ lệ hồ sơ nộp trực tuyến	Các sở, ban, ngành, UBND xã, phường	Các Tổ Công nghệ số cộng đồng	Thường xuyên	100% doanh nghiệp có nhu cầu được hỗ trợ, hướng dẫn sử dụng dịch vụ công trực tuyến

Phụ lục IX
NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN
CHỈ TIÊU “TỶ LỆ NGƯỜI DÂN, DOANH NGHIỆP ĐÁNH GIÁ Ở MỨC ĐỘ HÀI LÒNG TRỞ LÊN KHI THỰC HIỆN
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH, DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN ĐẠT TRÊN 95%”

STT	Nhiệm vụ/ Giải pháp	Mô tả công việc	Đơn vị chủ trì thực hiện nhiệm vụ/ giải pháp	Đơn vị phối hợp	Thời hạn (quý/tháng)	Kết quả/ Sản phẩm
1	Bảo đảm tiến độ và chất lượng giải quyết hồ sơ	Kiểm soát tiến độ, chất lượng giải quyết TTHC; hạn chế tình trạng trễ hạn, yêu cầu bổ sung hồ sơ nhiều lần hoặc phát sinh thủ tục ngoài quy định	Các sở, ban, ngành, UBND xã, phường	Văn phòng UBND tỉnh	Thường xuyên	Trên 95% hồ sơ TTHC được giải quyết đúng hạn
2	Nâng cao chất lượng phục vụ của cán bộ, công chức, viên chức	Đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng giao tiếp, hỗ trợ và phục vụ người dân, doanh nghiệp cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tại Bộ phận Một cửa và các cơ quan giải quyết TTHC	Các sở, ban, ngành, UBND xã, phường	Văn phòng UBND tỉnh	Thường xuyên	100% cán bộ, công chức, viên chức tại Bộ phận Một cửa được người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng về kỹ năng giao tiếp, hỗ trợ và phục vụ
3	Tiếp nhận, xử lý kịp thời phản ánh, kiến nghị	Vận hành hiệu quả các kênh tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp liên quan đến việc giải quyết TTHC; kịp thời xử lý và phản hồi theo quy định	Các sở, ban, ngành, UBND xã, phường	Văn phòng UBND tỉnh	Thường xuyên	Trên 98% người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng trong việc xử lý phản ánh, kiến nghị của cơ quan, đơn vị

Phụ lục X
NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHỈ TIÊU “THƯƠNG MẠI HÓA THÀNH CÔNG SẢN PHẨM THUỘC DANH MỤC CÔNG NGHỆ CHIẾN LƯỢC ĐẠT 05 SẢN PHẨM”

STT	Nhiệm vụ/ Giải pháp	Mô tả công việc	Đơn vị chủ trì thực hiện nhiệm vụ/ giải pháp	Đơn vị phối hợp	Thời hạn (quý/tháng)	Kết quả/ Sản phẩm
1	Rà soát, lựa chọn nhu cầu sử dụng các sản phẩm thuộc Danh mục công nghệ chiến lược từ các Doanh nghiệp, HTX trên địa bàn tỉnh	Tổ chức rà soát, xác định nhu cầu sử dụng các sản phẩm thuộc Danh mục công nghệ chiến lược có tiềm năng ứng dụng và thương mại hóa; ưu tiên các sản phẩm có khả năng triển khai trong thực tiễn, phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND xã, phường	Quý II/2026	Danh mục nhu cầu sử dụng các sản phẩm thuộc Danh mục công nghệ chiến lược từ các Doanh nghiệp, HTX trên địa bàn tỉnh
2	Công bố Danh mục nhu cầu sử dụng các sản phẩm thuộc Danh mục công nghệ chiến lược từ các Doanh nghiệp, HTX trên địa bàn tỉnh	Công khai thông tin trên Trang thông tin điện tử của tỉnh Sơn La; gửi văn bản đến các DN và HTX trên địa bàn tỉnh; công khai thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng	Cổng thông tin điện tử của tỉnh; Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường; Báo và Đài phát thanh truyền hình tỉnh	Đơn vị có liên quan	Quý II/2026	Danh mục nhu cầu sử dụng các sản phẩm được công khai thông tin

STT	Nhiệm vụ/ Giải pháp	Mô tả công việc	Đơn vị chủ trì thực hiện nhiệm vụ/ giải pháp	Đơn vị phối hợp	Thời hạn (quý/tháng)	Kết quả/ Sản phẩm
3	Kết nối thị trường và xúc tiến thương mại sản phẩm công nghệ	Tổ chức các hoạt động xúc tiến thương mại, hội chợ, triển lãm, kết nối cung cầu công nghệ nhằm quảng bá, giới thiệu và tìm kiếm thị trường cho các sản phẩm công nghệ chiến lược	Sở Công thương	Sở Khoa học và Công nghệ; Các sở, ban, ngành, UBND các xã; phường; các DN, HTX trên địa bàn tỉnh; Các cơ quan, đơn vị liên quan	Quý III/2026	05 sản phẩm